

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 13/2020/HSST
Ngày 10-3-2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thùy và ông Nguyễn Như Tạ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Nguyên là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đắc R'lấp, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc R'lấp tham gia phiên tòa:
Ông Lê Minh Giáp - Kiểm Sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc R'lấp, tỉnh Đắc Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2020/HSST ngày 21 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Lê Thị T, sinh năm 1970 tại tỉnh L; nơi cư trú: Thôn 6, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Lê Văn N và bà Lê Thị K (chết); có chồng Nguyễn Hiếu H; có 01 con, sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2006 bị Tòa án nhân dân Tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 05 năm tù, tại Bản án số 553/2006/HSPT ngày 26/5/2006, về tội “Chứa mại dâm”, ngày 16/01/2009 chấp hành xong hình phạt tù, ngày 27/8/2007 chấp hành xong hình phạt bổ sung và án phí hình sự; năm 2016 bị Tòa án nhân dân huyện Đắc R'lấp, tỉnh Đắc Nông xử phạt 12 tháng tù, tại Bản án số 14/2016/HSST ngày 26/5/2016, về tội “Chứa mại dâm”, ngày 15/5/2016 chấp hành xong hình phạt bổ sung và án phí hình sự; ngày 19/01/2017 chấp hành xong hình phạt tù; bị tạm giữ từ ngày 02/10/2019 đến ngày 08/10/2019 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Nguyễn Thị N, sinh ngày 14/4/1973 tại tỉnh N; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Làng Đ, xã S, huyện K, tỉnh G; nơi cư trú: Thôn 6, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Viết S(chết) và bà Nguyễn Thị C; có chồng Nguyễn Văn C (chết); có 02 con, lớn nhất sinh năm năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2002; bị tạm giữ từ ngày 02/10/2019 đến ngày 08/10/2019; được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Hòa Văn H, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện B, tỉnh B. Vắng mặt tại phiên tòa

Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện B, tỉnh B. Vắng mặt tại phiên tòa

Anh Tăng Thành T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đ. Vắng mặt tại phiên tòa

Chị Lý Kim Xuân, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện Ñ, tỉnh Ñ. Vắng mặt tại phiên tòa

Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện Ñ, tỉnh Ñ. Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị T là chủ quán bán cà phê Thanh Thanh ở thôn 6, xã Đ, huyện Đ. Khoảng giữa tháng 02/2019 Nguyễn Thị N từ tỉnh G đến quán gặp T xin làm nhân viên phục vụ thì được T đồng ý và cho N ăn, ở tại quán cà phê Thanh Thanh. Do muốn thu hút khách đến quán, T và N thống nhất cùng bán dâm và gọi gái bán dâm khác đến nếu khách khi có nhu cầu. Lê Thị T sử dụng 02 phòng ở phía sau của quán và chuẩn bị bao cao su, khăn ướt để phục vụ cho việc mua bán dâm. Giá cả thỏa thuận mua bán dâm với khách do T hoặc N trực tiếp thực hiện. Giá mỗi lần bán dâm là 250.000 đồng, gái bán dâm được hưởng 150.000 đồng, nếu T thỏa thuận thì T được hưởng 100.000 đồng, nếu N thỏa thuận thì N và T mỗi người được hưởng 50.000 đồng. T và N trực tiếp bán dâm thì được hưởng toàn bộ số tiền 250.000 đồng.

Vào khoảng 22 giờ ngày 01/10/2019 Hoàng Văn H, sinh năm 1993, Nguyễn Thanh L, sinh năm 1990, cùng trú tại thôn T, xã P, huyện B, tỉnh B; Tăng Thành T, sinh năm 1987, trú tại tổ dân phố 5, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đ sau khi đi uống rượu về thì ghé vào quán Thanh Thanh hỏi mua dâm. Tại đây, H hỏi N có 03 gái bán dâm không? thì N nói chỉ có 01 nên H, L và T đi về. Khi H, L và T vừa ra về thì T và N gọi điện thoại cho Lý Kim X, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị P, sinh năm 1983 là gái bán dâm đến quán Thanh Thanh để bán dâm. Khi X, P đến thì N gọi điện thoại cho H nói đã đủ 03 gái bán dâm (trong đó có cả N), H đồng ý và nói với L và T quay lại quán Thanh Thanh để mua dâm. Khi H, L và T đến quán, thì H và N thỏa thuận mỗi người mua dâm phải trả số tiền 250.000 đồng, H đồng ý và đưa cho N số tiền 800.000 đồng, trong đó 750.000 đồng là tiền mua dâm, còn 50.000 đồng H cho N. Sau đó N nói với X và P dẫn H và L vào 02 phòng phía sau quán để mua bán dâm, riêng T do mệt nên không mua dâm và cho N số tiền 250.000 đồng (trong số tiền H đưa N trước đó). Sau khi được H và T cho số tiền như trên thì N giữ lại số tiền 300.000 đồng, còn lại đưa cho T 500.000 đồng. Đến 22 giờ 30 phút cùng ngày, Cơ

quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk R'láp phát hiện bắt quả tang Hoàng Văn H, Nguyễn Thanh L, Lý Kim X, Nguyễn Thị P đang thực hiện hành vi mua bán dâm.

Về đồ vật, tài liệu đã thu giữ được, gồm: Thu giữ của Lê Thị T số tiền 870.000 đồng; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung J7, màu vàng; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu PHILIPS, màu đen. Thu giữ của Nguyễn Thị N số tiền 1.300.000 đồng; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 6, màu hồng; 01 máy tính bảng, nhãn hiệu Samsung, màu đen. Thu giữ của Nguyễn Thị P số tiền 530.000 đồng; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia. Thu giữ của Lý Kim X 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 5 màu xám; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Vell Com, màu đỏ. Thu giữ của Hoàng Văn H 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia màu xanh. Thu giữ trong 02 phòng (nơi Lê Thị T và Nguyễn Thị N chứa mại dâm) 06 bao cao su chưa qua sử dụng, 02 bao cao su đã qua sử dụng, 11 khăn ướt chưa qua sử dụng.

Cáo trạng số: 07/CT-VKS-ĐL ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk R'Láp quyết định truy tố các bị cáo Lê Thị T, Nguyễn Thị N về tội: “*Chứa mại dâm*” quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội: “*Chứa mại dâm*” là đúng và chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội: “*Chứa mại dâm*”. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Thị T, Nguyễn Thị N phạm tội: “*Chứa mại dâm*”

Căn cứ khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Lê Thị T từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 02/10/2019 đến ngày 08/10/2019

Căn cứ khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Thị N từ 12 tháng đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng. Giao bị cáo về cho chính quyền địa phương phối hợp cùng gia đình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Việc xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Tịch thu, sung ngân sách nhà nước số tiền 800.000 đồng (Hiện đã tạm gửi vào tài khoản tạm giữ của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk R'láp) của Lê Thị T và Nguyễn Thị N do phạm tội mà có; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu PHILIPS; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 6 là phương tiện của Lê Thị T và Nguyễn Thị N dùng vào việc phạm tội.

Tình thu, tiêu hủy: 06 bao cao su chưa qua sử dụng, 02 bao cao su đã qua sử dụng, 11 khăn ướt chưa qua sử dụng là công cụ dùng vào việc phạm tội.

Đối với số tiền 370.000 đồng (thu giữ của Lê Thị T, trong tổng số tiền 870.000 đồng); 1.000.000 đồng (thu giữ của Nguyễn Thị N, trong tổng số tiền 1.300.000 đồng); 530.000 đồng (thu giữ của Nguyễn Thị P) và những chiếc điện thoại di động thu giữ của Lê Thị T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị P, Lý Kim X và Hoàng Văn H. Đây là tài sản không liên quan đến tội phạm, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk R'lấp đã trả lại cho các chủ sở hữu là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk R'lấp, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'lấp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung Cáo trạng đã công bố, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, các biên bản hoạt động điều tra cũng như qua kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Vào khoảng 22 giờ 30 phút, ngày 01 tháng 10 năm 2019, tại quán cà phê Thanh Thanh do bị cáo Lê Thị T làm chủ tại thôn 6, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ Lê Thị T, Nguyễn Thị N đã đồng ý để Lý Kim X, Nguyễn Thị P bán dâm cho Hoàng Văn H và Nguyễn Thanh L. Bị cáo T được hưởng lợi là 200.000 đồng, bị cáo N được hưởng lợi là 300.000 đồng.

Như vậy, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội: “Chứa mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự.

Tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào chứa mại dâm, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm hại đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng đạo đức xã hội, đến thuần phong và là nguyên nhân lây truyền các loại bệnh nguy hiểm qua đường tình dục, đặc biệt là bệnh HIV/AIDS, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương. Các bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức rằng hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị toàn xã hội lên án nhưng do ý thức coi thường pháp luật và háo lợi nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất hành vi mà bị cáo đã gây ra.

Đây là vụ án đồng phạm bị cáo T là người có vai trò chính và có nhân thân xấu: Năm 2006 bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 05 năm tù, về tội “*Chứa mại dâm*” tại Bản án số 553/HSPT, ngày 26/9/2006; Năm 2016 bị Tòa án nhân dân huyện Đắk R’lấp, tỉnh Đắk Nông xử phạt 12 tháng tù, về tội “*Chứa mại dâm*” tại Bản án số 14/HSST ngày 26/5/2016, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để cải tạo bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy, phải xử phạt bị T cao hơn bị cáo N.

[4] Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Riêng bị cáo Nguyễn Thị N có hoàn cảnh rất khó khăn, chồng chết sớm, có con nhỏ bị khuyết tật bẩm sinh (có xác nhận của chính quyền địa phương) nếu áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc chăm sóc con của bị cáo, bản thân bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đối với bị cáo Lê Thị T trước đó đã phạm nhưng đã được xóa án tích và được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân của người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Lê Thị T trong một thời gian; Riêng bị cáo Nguyễn Thị N xét hoàn cảnh của bị cáo là đặc biệt khó khăn, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự. Cần giao bị cáo về cho chính quyền địa phương cùng gia đình giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng phòng ngừa tội phạm.

[5] Việc xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 800.000 đồng (Hiện đã tạm gửi vào tài khoản tạm giữ của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk R’lấp) của Lê Thị T và Nguyễn Thị N do phạm tội mà có; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu PHILIPS; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 6 là phương tiện của Lê Thị T và Nguyễn Thị N.

Đối với 06 bao cao su chưa qua sử dụng, 02 bao cao su đã qua sử dụng, 11 khăn ướt chưa qua sử dụng là công cụ dùng vào việc phạm tội và không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 370.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 màu vàng thu giữ của Lê Thị T; số tiền 1.000.000 đồng, 01 máy tính bảng, nhãn hiệu Samsung, màu đen thu giữ của Nguyễn Thị N; số tiền 530.000 đồng, 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia thu giữ của Nguyễn Thị P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu xám, 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Vell Com, màu đỏ thu giữ của Lý Kim X; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh thu giữ của Hoàng Văn H là những chủ sở hữu hợp pháp. Quá trình điều tra xác định không liên quan đến

hành vi phạm tội, nên cần chấp nhận quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk R'lấp đã trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp.

[6] Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'lấp tại phiên tòa là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Thị T và Nguyễn Thị N phạm tội “Chứa mại dâm”.

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Thị T** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 02/10/2019 đến ngày 08/10/2019.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị N** 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Thị N về cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, thành Đ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Nguyễn Thị N cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Việc xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 800.000 đồng (*Hiện đang tạm gửi vào tài khoản tạm giữ của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk R'lấp*) do Lê Thị T và Nguyễn Thị N phạm tội mà có.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động, nhãn hiệu PHILIPS, màu đen; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 6, màu màu hồng là công cụ, phương tiện phạm tội (*Có đặc điểm như mô tả trong biên bản thu giữ vật chứng*).

Tịch thu, tiêu hủy 06 bao cao su chưa qua sử dụng, 02 bao cao su đã qua sử dụng, 11 khăn ướt chưa qua sử dụng là công cụ dùng vào việc phạm tội (*Có đặc điểm như mô tả trong biên bản thu giữ vật chứng*).

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk R'lấp đã trả lại số tiền 370.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 màu vàng cho Lê Thị T; số tiền 1.000.000 đồng, 01 máy tính bảng, nhãn hiệu Samsung, màu đen cho

Nguyễn Thị N; số tiền 530.000 đồng, 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia cho Nguyễn Thị P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu xám, 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Vell Com, màu đỏ cho Lý Kim X; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh cho Hoàng Văn H là các chủ sở hữu hợp pháp.

3. Về án phí Hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Thị T và Nguyễn Thị N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đắk R'Lấp;
- Công an huyện Đắk R'Lấp;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Lương